

Chương chín

TỔNG KẾT

9.1 ĐỊA VỊ CỦA ĐỨC NGÔ MINH CHIÊU TRONG CAO ĐÀI GIÁO

Trước khi muốn nói đến địa vị của đức Ngô Minh Chiêu trong Cao Đài giáo, ta hãy tìm xem đức tính của ngài đại diện cho phần thị hiện chân lý như thế nào.

Những chương trước đã cho ta thấy lối tu học từ nơi Vô hình của ngài đã không hề chịu ảnh hưởng một hệ thống giáo pháp nào khác hơn là Cao Đài giáo. Cuộc đời của ngài là một sự thí nghiệm có tính cách thực tiễn của một tôn giáo mới mà nếu thiếu ngài thì Cao Đài giáo hầu như thiếu hẳn phần thực nghiệm đi thôi.

☐ **Gương tu Nhơn đạo và Thiên đạo song hành**

Đầu tiên, ta thấy, trong gia đình, ngài là cha của chín người con, nhưng không phải vì thế mà ngài thoái thác việc tu học. Ngài vẫn vừa lo tu hành thủ phận, vừa lo nuôi nấng đàn con khôn lớn nên người. Điều này thật trái với thường tình xưa nay. Ngài bảo đó là phần nhơn đạo phải cho tròn mới được.^{9.1}

9.1 Tuy nhiên, với sự *tu chơn* nghĩa là tu từ nhỏ không có vợ hay chồng, ngài bảo như thế là rất quý vì chẳng khác gì *vàng chưa lộn* để thành đạo hơn.

Đông Tân

Thứ nữa, ta thấy ngài là một người trong vòng quyền quý mà không hề có tính ý sang trọng tự kiêu. Tuy làm quan nhưng lại không thích công danh, ngài thường nói: "*Chớ ham sang trọng khó theo Thầy*" nên ngài ít giao du với những người có đặc tính cao sang. Theo ngài, việc giàu nghèo thủy đều do tiền định, người muốn cũng không được. Trái lại, ngài rất cảm thông với kẻ nghèo hèn, cô thế. Ngài thường nói: "*Tố phú quý hành hồ phú quý, tố bần tiện hành hồ bần tiện. Tố nào có tố nấy*". Hễ có sự va chạm giữa người sang và người hèn thì ngài bảo: "*Thủ phận an bần, ai biểu chơi với bọn lên mặt sang trọng làm chi cho bị chúng nó khi*".

Nếu câu ngạn ngữ "*Nhứt tu thị, nhị tu gia, thứ ba mới tu chùa*" là những bài học cho kẻ tu hành đáng được chú ý thì sự tu hành của đức Ngô quả là một sự thành đạo ngay trong lòng thành thị. Có như vậy mới thật đúng với châm ngôn *cư trần bất nhiễm trần* mà không một đạo giáo nào muốn giải thoát không lấy đó làm đường lối tu học.

Đời ngài là cả một sự hy sinh trọn vẹn. Tuy làm quan, ngài không đua đòi quyền quý xa hoa mà vẫn sống một đời đơn giản như lúc hàn vi. Số tiền lương ngài lãnh ra chia làm ba phần: một để làm việc nghĩa, một để gửi nuôi vợ con, và một để ngài chi dụng giao tế hàng ngày. Tuy vậy, những việc nghĩa ngài làm thường không mấy người biết vì ngài chủ trương bố thí một cách âm thầm. Ngài thường bảo: "*Mua ruộng trên trời vững bền hơn mua ruộng ở thế gian*" hoặc "*Hưởng phước bất khả hưởng tận, mình có lộc trời cho đừng hưởng hết, phải làm phước đặng để sau cho con cháu*".

Trong cách phục sức hoặc trang hoàng nhà cửa, ta còn thấy rõ đức tính đơn giản mà thanh cao của ngài. Ngài không chịu ăn những thứ chiền xào nhiều dầu và không bày nhiều món khác nhau. Tương chao là gốc, chuối sứ và đường thẻ là món tráng miệng hàng ngày, ngài bảo miễn ăn no bụng thì thôi. Chỗ ngài ở sạch sẽ mà không bày biện phiền phức. Ngài bảo: "*Chỗ nào cao trên 4m thì ở đó có thanh khí*". Nhà ngài thường các vật dụng chỉ có ba cái như ghế có ba cái, bàn tử mỗi thứ có một không thứ gì có hai hoặc bốn cái. Ở nhà ngài thường vận quần áo vải, đi giày bố, không hề mang giày da nhưng khi đi làm việc hay ra phố thì khăn áo chỉnh tề. Ngài thường bảo: "*Thân hình của mình để dơ dáy lên xèn đi nói đạo có ai thêm nghe*".

Phần chính của những gương tu kỷ được tạo thành trên khuôn phép nhà đạo mới. Chính ngài là mẫu mực *vừa tu Thiên đạo cùng một lúc thực hành nhưn đạo* là sự đòi hỏi tối cần cho sự cứu rỗi nhân loại hiện nay. Nhưng khi có những trà trộn có tính cách không may tai hại, ngài bảo: "*Tiên bảo kỳ thân*" (trước tiên phải giữ phận mình). Trong lúc ấy ngài lại khuyên: "*Tu rồi, cái thân xác như chết chửa chôn*" để cảnh tỉnh những khối óc còn ham danh lợi.

□ Mẫu dung hợp tinh hoa các tôn giáo

Tuy nhiên không phải vì thế mà phần ảnh hưởng các tôn giáo trước hoàn toàn thiếu đi trong sự tu học của ngài.

Ngài thường bảo: "*Quân tử tánh như thủy*". Dầu mềm dẻo nhưng không kém phần cứng cõi, ngài lại rất thương người. Ngài chủ trương "*dại hùng, đại lực, đại từ bi*". Ngài khuyên chư đệ tử nên giữ tâm thanh tịnh, không xao động như nước đựng trong bầu, các việc đều không. Ngài không hề giận dỗi việc gì, ai nói xấu xem như không. Ngài thường nói: "*Việc thị phi coi như lông nhạn, ai cười mặc ai*".

Ảnh hưởng Nho gia đã thế, tính cách Tiên gia cũng đã phảng phất ít nhiều trong lối tu của ngài. Ta thấy rõ điều này ở chỗ đạo của ngài là thanh tịnh vô vi, không ưa tụ họp, không thích đông đảo, không chịu ai lay lự, không chịu ai tôn sùng. Tuy ở chốn thành thị mà không ai biết. Cũng lắm người biết ngài ăn chay mà không biết ngài tu làm sao. Ngài bảo: "*Mình tu mà đừng cho người ta biết mình tu, giữ bề ngoài như bình thường*", hoặc "*Mình đừng làm ra người ngu phẩm*".

Tính chất Phật gia là ở chỗ trai giới rất tinh nghiêm. Ngài thường khuyên chư đệ tử năng làm âm chất và phải có đức độ từ bi, bác ái.

Như thế, ta có thể nói nơi ngài đã kết tụ tất cả những tinh túy căn nguyên của Nho Thích Đạo một cách chân thành và đầy đủ. Nhưng không phải ngài đã lãnh hội đạo giáo từ một trong ba hệ thống đạo giáo Đông phương ấy mà chính từ Đức Cao Đài là Đấng Thượng Đế Chí Tôn, Giáo chủ nhà đạo, đã dẫn dắt ngài từ bước đầu tiên như người Cha ân cần chăm sóc con hay một người thầy hết lòng lo cho đệ tử. Đây là điều mà ngài muốn cho nhân loại trong thời Hạ nguơn này thông hiểu để không còn tính bất bình đẳng hay kỳ thị phái tính trong khối nhân loại.

□ Địa vị Ngôi Hai của đức Ngô Minh Chiêu

Từ buổi khai đạo đến nay, tên tuổi của ngài hầu như bị quên lãng nơi một số tín đồ cũng như Hội Thánh các chi phái, nhất là phần Phổ Độ rất ít khi quan niệm và nhận định cho đúng chỗ giá trị của bậc Tiên phong khai ngộ chân lý Cao Đài ấy. Mỗi chi phái đều hoặc vô tình hoặc hữu ý phủ nhận cái địa vị tuyệt đối của đức Ngô Minh Chiêu mà chỉ biết lãnh tụ thuộc phạm vi chi phái của mình thôi. Như vậy cũng quá đáng vì cây kia phải có cội, nước kia phải có nguồn hướng gì một nhà Đạo mới, rộng lớn bao quát như Cao Đài giáo mà không có một Đấng toàn thiện đại diện cho phần thị hiện chân lý trường cửu tại thế thì tưởng không thể thừa nhận chân lý ấy trên lý thuyết suông được. Còn nếu chủ

Đông Tân

quan cho rằng tất cả chỉ tự do con người mà ra thì chỉ là những lý luận hồ đồ cao ngạo phàm tục mà thôi.

Cũng có nơi làm tưởng rằng đức Ngô Minh Chiêu từ khi tách riêng ra khỏi nhóm Phò loan (*tháng 4 năm 1926*) mà không nhận chức vị Giáo Tông tức là đã tự tách mình ra ngoài nhà đạo, do đó những công khai thác nhà đạo từ ngày Khai đạo đến nay ngài không dự phần vào nữa. Vả lại, Đức Cao Đài đã tự mình xuống thế gian dẫn dắt nhân sinh vào cửa Đạo thì đức Ngô Minh Chiêu dù có hay không cũng không cần thiết lắm.

Như vậy tức là hoàn toàn trái với Thánh ý buổi đầu khai đạo. Trước khi mở đạo, Đức Thượng Đế hẳn đã biết được những điều xảy ra nên Ngài đã bảo cho ta biết hết nhưng tại ta không nhận định đúng nghĩa của nó mà thôi.

Muốn biết địa vị đức Ngô Minh Chiêu trong Cao Đài giáo, ta cần lần lại trang sử của các tôn giáo trước để biết địa vị của các Giáo chủ hay nói cách khác là Ngôi Hai đã có như thế nào. Bởi vì Cao Đài giáo là một sự xuất hiện cuối cùng phải bao hàm tất cả những yếu tố của những sự xuất hiện trước kia, bất luận trong phạm vi cứu cánh hay phương tiện cũng thế.

Ta có thể dẫn chứng những khảo sát sau đây:

- **Suy diễn từ đức Lão Đam và đức Khổng Khâu**

Sở dĩ đức Lão Đam phải sống một cuộc đời hoàn toàn bí nhiệm bên cạnh đức Khổng Tử chu du liệt quốc là để làm sáng tỏ đạo đức muôn hình, muôn vẻ và sự cứu độ vô cùng của Đấng Tạo Hóa. Chỉ có như thế mới khuất phục được đa số nhân loại dưới vòm trời Trung Hoa lúc bấy giờ đang tìm cách tranh bá đồ vương, hơn thua nhau từng lời nói, từng cử chỉ. Nếu đức Lão Đam không im lìm đưa ra thuyết "*Đạo khả đạo phi thường đạo, danh khả danh phi thường danh*" cũng như nếu đức Khổng Khâu không nói được: "*Tề gia, trị quốc, bình thiên hạ*" thì có lẽ xã hội Trung Hoa đã phải bị hao mòn vì mạnh được yếu thua, khôn nhờ dại chịu mà đổ thừa cho cái luật đào thải tự nhiên của Tạo Hóa đi mất. Hai chủ nghĩa đạo đức ấy bổ khuyết cho nhau. Các ngài không hề bảo các ngài là chi cả, bởi vì quần chúng Trung Hoa lúc bấy giờ không cần phải có một danh tánh của Tạo Hóa trong sự cứu đỡ xã hội mà chỉ cần có phương pháp cứu đỡ ấy thôi. Lại nữa, dân tộc Trung Hoa có một căn bản tin tưởng Đấng Thượng Đế nên có lẽ xưng tụng ngài là đấng Cứu Thế cũng bằng thừa.

- **Suy diễn từ đức Thích Ca**

Sở dĩ đức Thích Ca phải tìm con đường *tự giác giác tha* nơi núi non tịch mịch (*rừng Khổ Hạnh*) chỉ vì trong thời đại của ngài và tại nơi ngài sinh ra,

không thể không có con đường ấy. Nếu đức Thích Ca không dẫn ra thuyết "Tứ diệu đế, Bát chánh đạo" thì làm sao đánh ngã được các giai cấp lúc bấy giờ đã sinh ra từ những bộ phận khác nhau của Thần Brahma và nếu không có rừng Khổ Hạnh kia thì ngài sẽ căn cứ vào đâu để làm cho các tín đồ Bà La Môn khuất phục? Cũng thế, nếu đức Thích Ca sinh nhằm phải một gia đình hàn vi (*thuộc giai cấp nông nô*) thì làm gì thắng được các giai cấp quý tộc và tăng lữ để làm sự giác ngộ của mình thêm sáng tỏ? Triết lý *Phật tại Tâm* chính là để trị căn bệnh bất bình đẳng của xã hội Ấn Độ thời bấy giờ.

- **Suy diễn từ đức Jésus**

Sở dĩ đức Jésus phải xung tụng vị Thần độc tôn là Thượng Đế chỉ nhằm mục đích đánh tan thuyết Đa Thần giáo đương hoành hành tà mị trong dân chúng, cũng như phải xác nhận loài người là con ông Adam và bà Eva là để cho chế độ hà khắc của đế quốc La Mã lúc bấy giờ phải nhận thấy rằng không nên dùng những phương tiện cưỡng áp người, bóc lột người đã man nã. Nhưng tình hình thế giới và hoàn cảnh địa lý hiện nay cho ta thấy rằng không phải loài người từ Adam mà từ rất nhiều thủy tổ khác nhau trên mặt địa cầu. Lại nữa, ngài phải tự xưng mình là Chúa con là để chứng minh những điều ngài nói trong dân chúng nhằm chống lại sự cuồng tín lúc bấy giờ. Nếu không phải ngài là Chúa con thì mấy ai làm được cái thuyết của Chúa độc nhất kia.

- **Suy diễn từ đức Mahomet**

Tương tự đức Mahomet lúc nào cũng xưng mình không phải Thượng Đế mà chỉ là Thiên sứ để tiếp tục con đường cứu rỗi nhân loại đã có từ ngàn xưa mà điển hình là sự cạnh tranh giữa các sắc dân Ả Rập đang hoành hành không một thế lực nào cảnh tỉnh họ được. Lại nữa, nếu không có sự tôn xưng Đấng Allah là Đấng Tạo Hóa tối cao duy nhất thì cũng khó bề khuất phục các sắc tộc còn trong trạng thái chủ quan tự cho mình là văn minh cục bộ này. Ngài muốn tự xưng là Chúa cũng không được vì bên cạnh đã có chơn truyền Đấng Jéhovah đang vang lừng đó, thế lực của Chúa qua đức Jésus vẫn còn mạnh mẽ trong đại đa số quần chúng Á Âu. Cho nên, muốn cứu phần nhân loại còn lại, Thượng Đế không phải tự hạ mình xuống thế gian nữa mà chỉ sai Thiên sứ đi thôi. Có như thế mới khế cơ hợp đạo.

- **Nhận định về đức Ngô Minh Chiêu**

Do những nhận xét trên, căn cứ vào sự xuất hiện cần thiết với những tính chất tùy thời, tùy phương tiện, tùy cứu cánh của mỗi chơn truyền mà bày ra những phương lược cứu thế thích ứng với sự đòi hỏi khẩn thiết của từng địa

Đông Tân

phương ấy, ta thấy sự giáng phàm của vị đại diện Đấng Chí Tôn quả có một lập định trước, không phải là thế nào cũng được và nơi nào cũng hay. Do đó, đối với đức Ngô Minh Chiêu trong Cao Đài giáo ta cũng tìm thấy tính cách cố hữu ấy.

Đầu tiên, ta thấy ngài là một con người thường như mỗi chúng ta, cũng sinh ra trong đám dân cùng khổ, cũng có vợ con, cũng chịu mọi kham khổ và tiến bộ như một người thường.

Ngài không hề chịu ai lay lục và gọi bằng Thầy mà chỉ điểm đạo khi nào có Đức Cao Đài cho phép bằng phương tiện xin keo. Ngài không bảo ngài là Chúa khi xác phàm còn tại thế như đức Jêsus, cũng không tự gọi là Phật như đức Thích Ca mà những danh từ ấy nhường cho cõi Vô hình.

Ngài lại hay đi sát vào những người bần khổ, tránh những nơi giàu sang. Lập mỗi đạo một cách đơn giản, không cần có kinh sách, cũng không cần phải luật lệ, chỉ cần trường trai tuyệt dục, tụng kinh Cảm Ứng Nghĩa là đủ. Ngài nhất định không chú trọng cái bề ngoài, vì đạo phục không phải là phần đại diện thể đạo mà dễ thường bị xem là một hình thức giả tạo một khi tâm đạo đạt thành.

Ngài chủ trương làm cho mọi người thấy rằng, không cần phải xuất gia vào núi hay ly gia, bỏ tất cả những việc ở đời là tu, mà chính phần tâm linh tự giác trước những trò khảo duyệt thế gian mới là trọng tâm của việc tu học. Ai cũng có thể vừa lo việc đời, vừa lo tu kỷ, tức là lo đạo một cách song hành, không phải hoàn toàn đoạn tuyệt với những liên hệ mật thiết bên ngoài.

Những điều trên cho ta biết diệu dụng của Thượng Đế trong thời kỳ giáo đạo buổi Hạ nguồn này.

Tạo Hóa cho ta thấy rằng đã hết giai đoạn cần thiết thần thánh hóa nhân vật cứu đời, bởi vì làm như thế tức là làm cho nhân loại thấy rằng họ sẽ bất lực trong sự tự cứu lấy mình. Phải từ một người đi đến chỗ hoàn thiện, tự mình vượt ra ngoài những cận bã của mình mới thích ứng với sự cứu đời hiện tại.

Tự xưng là Chúa, là Phật, là Thượng Đế, trong giai đoạn này với xác phàm tại thế gian chỉ là một sự lập lại không may, phương hại cho sự chứng nghiệm khoa học trong giai đoạn này, khi khoa học chưa đạt đến trình độ tâm linh.

Trong đa số nhân loại hiện nay, những kẻ đáng cứu vớt phần đông là những người bần khổ vì chính họ mới là vô tội, chịu tai họa không may của những kẻ độc tài bạo lực vì quyền lợi cao sang gây ra. Có lối tu hành đơn giản mới làm cho những người thấp kém biết rằng không cần phải thông trăm kinh vạn quyển mới đạt được chân lý trường tồn, mà ai ai cũng có thể tự cứu lấy mình một cách thiết thực không cần phải tranh đấu bằng vũ lực hay chính trị. Con đường tự cứu lấy mình đồng thời cứu nhân loại ấy, Thượng Đế đã đặt mẫu mực nơi đức Ngô Minh Chiêu. Muốn có sự hòa đồng tâm linh con người, phải có sự

Lịch Sử Cao Đài Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ

hòa đồng vật chất trước đã. Tại sao lại mỗi tôn giáo có một sắc tướng khác nhau khi phân thị hiện chân lý chỉ là một? Đức Cao Đài muốn cho mọi hình thức cứu đời không vì cái bề ngoài mà mâu thuẫn chia rẽ nhau nên chỉ cần thích dụng những sắc phục cố hữu của truyền thống dân tộc mình, đặc biệt là áo dài khăn đóng. Phải chăng ngài muốn mọi người cần suy nghiệm đến nguồn gốc phát xuất của mình trước đã? Và phải chăng cũng một chân lý ấy mà Đức Cao Đài cho biết rằng lần này không phải Ngài chỉ giảng dạy tại đây mà còn nhiều nơi khác nữa?

Hơn nữa, trong tình thế hiện nay mà bảo muốn tu khi ra khỏi nhà phải cắt tóc, phải trang phục hay hành xử theo nề nếp một tôn giáo nào, thiết tưởng như thế là trái với trào lưu tiến hóa của nhân loại. Lịch sử loài người đã cho ta thấy lối tu ấy chỉ có ích lợi - nếu có - cho một cá nhân hay một đoàn thể mà thôi, còn đa số nhân loại vẫn chìm trong vô minh tội lỗi. Làm được như thế phải chăng chỉ có một đức Phật, một đức Chúa? Từ bỏ Nhơn đạo để đi vào Thiên đạo chưa phải hoàn toàn đúng nghĩa chữ tu. Sợi dây liên hệ giữa mọi người với nhau dù muốn đứt đi cũng không thể được. Cũng vì muốn làm tròn Nhơn đạo và Thiên đạo cùng một lúc để đến khi Thiên đạo thành, Nhơn đạo cũng đã mãn ấy mà Cao Đài giáo tuy đơn giản, lại là khó tu hơn các tôn giáo xưa nay. Nhưng nếu không được như vậy thì sự cứu đời trong nghĩa tu hành làm sao cho hoàn toàn đúng với căn nguyên con người trong Vũ trụ trong thời Hạ nguon mặt phấp này?

Nói tóm lại, những phân thị hiện chân lý cứu thế lần thứ ba trên đây của Đức Cao Đài nơi đức Ngô Minh Chiêu làm cho ta thấy rõ diệu dụng của Vô hình và ta không thể phủ nhận cuộc đời tu học đã có của vị đại diện Chánh pháp Cao Đài được. Như vậy thì đức Ngô Minh Chiêu là ai? Ngài đã làm công việc gì? Thiết tưởng không những chỉ tín đồ Cao Đài mà tất cả nhơn loại phải công nhận rằng chính ngài đã làm công việc của Thượng Đế muốn cho nhân loại làm theo trong tình trạng thế giới đang quần quại trước thế lực quyền và lợi của nền văn minh vật chất vô thần và nạn hữu thần cực đoan cuồng tín của các loại giáo dân để tự cứu lấy mình tức là cứu cả nhơn loại vậy.

Do đó, ta có thể nói rằng đức Ngô Minh Chiêu là hiện thân của Đức Cao Đài tại thế nối tiếp sự hiện thân của Ngài tại Trung Hoa với đức Lão Tử, đức Khổng Tử, tại Ấn Độ với đức Thích Ca, tại Giu Đa với đức Jésus, cũng như tại Ả Rập với đức Mahomet nhưng do sự thích nghi đòi hỏi của cả một cực diện nhân loại trong Kỳ Ba cứu rỗi này.

Chính ngài là hiện thân cuối cùng cho hệ thống cứu thế của Đấng Tạo Hóa, là vị Chúa Tể có trách nhiệm về sự mất còn của Càn Khôn Vũ Trụ cũng có nghĩa là sự giám sát và điều động công cuộc tấn hóa của muôn loài vạn vật trong đó.

Đông Tân

Nói một cách khác, đức **Ngô Minh Chiêu** là phần thực nghiệm khai mở sự **dung hợp Tâm linh Con người với Tâm Linh Vũ Trụ** đã có từ nghìn xưa để phục hồi thực tại Con Người trong lòng Tạo Vật.

Như thế, ngài không phải là đấng Ngôi Hai hay sao?!

9.2 GIÁO LÝ THỰC NGHIỆM KHOA HỌC KHÔNG MANG TÍNH HUYỀN THOẠI CỤ GIÁO

Về phương diện này, đức Ngô Minh Chiêu luôn luôn nhắc nhở hàng môn đệ chỉ nên tu luyện thân tâm tứ thời công phu mà không nên để ý đến những huyền diệu trông thấy hằng ngày vì đó là những giả tượng. Một huyền diệu có thật chỉ được ứng nghiệm nơi một đối tượng cần biết mà ngoài họ ra không ai thấy được. Sự kiện này cũng đã được thực nghiệm nơi tác giả nhiều lần, nhất là những lần thấy Thiên Nhân trước khi ngồi vào bàn thủ cơ như đã nói trước. Do đó mà người tín hữu Cao Đài không tin vào những chuyện huyền thoại không đầu trần đầu gối trong các kinh điển cựu giáo với ý đồ tạo nên những hấp dẫn cho người nhẹ dạ mà bằng chứng là kinh sách bày vẽ thì nhiều trong khi mức độ cứu đời chẳng đến đâu. Hay đó là nguyên nhân đã đưa đến hậu quả là ngày tận thế do tội lỗi loài người chông chất mà các Giáo chủ đã tiên tri vậy?!

Ý nghĩa và diệu dụng các giáo lý từ đức Ngô Minh Chiêu

Đến đây, thiết nghĩ cần phải nêu ra đây việc thành hình hai phần Vô Vi và Phổ Độ của Cao Đài giáo cùng thời kỳ sơ khai nền đạo trong khi các cựu giáo thì sự thành hình các phái đạo chỉ đến sau, ít ra cũng sau khi các Giáo chủ mãn phần. Điều này cho thấy tự nơi các Giáo chủ đã không như thế mà chỉ do các môn đồ theo quan điểm riêng tư của mình bày ra mà thôi.

Trong Cao Đài giáo, đức Ngô tự ngài cũng không nghĩ rằng cơ đạo sẽ phân chia nhiều phái như sự kiện buổi sơ khai tại nơi Thánh Thất Cầu Kho trước năm 1927. Tuy ngài trước sau vẫn tuân theo lời chỉ dạy của Đức Cao Đài nhưng sở hành của ngài không như các môn đệ khác có công phu tu học không được như ngài. Như vậy Thiên ý đã có từ trước với hai đường lối khác nhau:

- một đường cần làm mẫu mực cho những nguyên căn điển hình như đức Ngô đã được Đức Cao Đài thu nhận làm môn đệ đầu tiên từ 1921,

- một đường cần cho sự cứu vớt chung không phân biệt trình độ tín ngưỡng cần cho công cuộc cứu thế Kỳ Ba thời Hạ nguơn mạt pháp này mà cách năm năm sau - 1926 - cơ Phổ Độ mới thành hình.

Như vậy, hai phần Vô Vi cần cho người có căn tu theo Tâm pháp và phần

Lịch Sử Cao Đài Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ

Phổ Độ cần cho toàn cả chúng sanh phải song hành nhau như đã có từ buổi khai nguyên 1921-1926 thì mới có thể cứu vãn sanh linh buổi kỳ ba độ tận này, như thế danh xưng Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ mà hai phần đều xưng tụng mới đúng nghĩa.

Trong khi đó, lời Thánh ngôn "*Bửu Tòà thơ thối trở thêm hoa...*" mà Đức Cao Đài dạy ngày mùng 9 tháng giêng năm Bính Dần đã cho biết phần Phổ Độ cần phải có nhiều phái mới hành hồ sở nguyện độ đời của mình, miễn luôn luôn nhứt tâm vì Thầy vì Đạo và không chia rẽ theo tư phương.

Cuộc đời tu học của đức Ngô còn cho ta biết những huyền thoại trong các kinh điển xưa cần phải xét lại chứ không nên hoàn toàn căn cứ vào đó vì người tu sẽ đánh mất hết giá trị tu học của mình. Ngài chỉ nhìn theo sự kiện lịch sử mà nhận định vấn đề theo khả năng lãnh hội riêng, lẽ cố nhiên chúng ta còn nặng nợ thế trần thì không thể so sánh với ngài được.

Chả thế mà trong bức thư gửi cho hàng môn đệ tại Cần Thơ ngài đã nhận định rằng lịch trình khai diễn nền Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ này cũng sẽ trải qua ba thời kỳ cách nhau khoảng 500 năm như Thiên Hoàng 1924 - 2424, Địa Hoàng 2424 - 2924, Nhơn Hoàng 2924 - 3424, cộng chung là 1500 mà khuyên môn đệ không nên cho người khác biết vì họ sẽ không tin mà còn chế nhạo nữa.

Thời kỳ Tam Hoàng đã được lịch sử Trung quốc nhắc đến như sau: Sử ký Tư Mã Thiên đã liệt kê Thiên Hoàng, Địa Hoàng rồi Tàn Hoàng để ghi danh nhà Tàn, còn theo sách Xuân Thu Mệnh Lịch thì Tam hoàng trải dài đến 603 ngàn năm (Thiên Hoàng 20 đời gồm 360 ngàn năm, Địa Hoàng 11 đời gồm 198 ngàn năm, Nhơn Hoàng 45 đời gồm 45 ngàn năm), v.v... Như thế, nếu so với Thánh Ngôn nói về tịch đạo: "*Thanh đạo tam khai thất ức niên...*" kể ra cũng chẳng sai lệch nhau mấy.

Nhưng ở đây, đức Ngô hẳn đã với huệ nhãn cho biết các tiểu chu kỳ 500 năm đã khai sinh một mối đạo nhằm tiếp nối công cuộc cứu thế như đã có trước để thành hình đại chu kỳ 2500 năm sau như đã nêu ra trong phần đầu tác phẩm này. Thiết tưởng cái nhìn của ngài có tính chất vừa đạo học vừa khoa học, chứ không có tính huyền thoại như đặt sự Trung Hoa.

Như vậy, xét kỹ lại cuộc đời của đức Ngô Minh Chiêu vừa tư cách đạo hạnh lẫn ngôn từ cũng đã nêu lên một Tân pháp làm nền tảng cho công cuộc cứu thế kỳ ba. Phần giáo lý mới mẻ đượm mùi đạo học Đông phương Vô Vi Nhi Vô Bất Vi thừa tự từ nguyên lý Thái Cực với Kinh Dịch nguồn cội khoa học tâm linh chính là từ đức bị trí dững đã ẩn hiện nơi con người của ngài trong sứ mạng gieo mầm văn minh cho kỷ nguyên thứ ba của nhân loại vậy.